

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52 /2023/HNGĐ-PT

Ngày: 01 /8/2023

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Huỳnh Văn Ngoan.

Các Thẩm phán: 1/ Bà Lưu Thị Thu Thủy;

2/ Bà Hoàng Thị Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hà Phan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông Nguyễn Tấn Bảo
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 30/2023/TLPT-HNGĐ ngày 03/7/2023 về việc tranh chấp: “Ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2023/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 660/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1961;

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị Bé T**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm,

*** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:**

Ông và bà Phạm Thị Bé T chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1980, đến năm 2022 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới vợ chồng ông sống tại ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Ông và bà chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, bà T nghĩ ông có người phụ nữ khác bên ngoài, không tin tưởng ông nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Ông và bà T đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ ngày mùng 05/01/2022 (AL) đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Phạm Thị Bé T.

- Về con chung: có 04 con chung tên Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1980; Nguyễn Minh Q, sinh năm 1983; Nguyễn Thế N, sinh năm 1985 và Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1988. Hiện 04 con chung đã thành niên và có khả năng lao động được nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn bà **Phạm Thị Bé T** trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Văn V về thời gian kết hôn. Bà và ông V phát sinh mâu thuẫn từ 2020, nguyên nhân do ông V có người phụ nữ khác bên ngoài. Nay ông V yêu cầu ly hôn bà không đồng ý vì hiện bà vẫn còn tình cảm với ông V, bà muốn có gia đình trọn vẹn cho con cháu, bà muốn ông V có cơ hội để quay đầu lại.

- Về con chung: Có 04 con chung như ông V trình bày là đúng. Hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2023/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã C đã quyết định.

Áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V.

Về quan hệ hôn nhân: Không cho ông Nguyễn Văn V ly hôn với bà Phạm Thị Bé T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/12/2023, nguyên đơn ông V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm 20/2023/HNGĐ-ST ngày 25/4/2023

của Tòa án nhân dân thị xã C theo hướng chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn V, cho ông V được ly hôn với bà T.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:** ông V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thống nhất giải quyết được vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu: Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về nội dung kháng cáo: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn V sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Văn V có đơn khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bà Phạm Thị Bé T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Xin ly hôn” là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn V, bị đơn bà Phạm Thị Bé T đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 28,35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3]. Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn V đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Ông Nguyễn Văn V và bà Phạm Thị Bé T chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1980, đến năm 2022 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, tỉnh Tiền Giang là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới vợ chồng ông sống tại ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, bà T cho rằng ông có người phụ nữ khác bên ngoài, không tin tưởng ông nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Ông và bà T đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ ngày mùng 05/01/2022 (AL) đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà T. Phía bà T cho rằng bà và ông V phát sinh mâu thuẫn từ 2020, nguyên nhân do ông V có người phụ nữ khác bên ngoài. Nay ông V yêu cầu ly hôn bà không đồng ý vì

hiện bà vẫn còn tình cảm với ông V, bà muốn có gia đình trọn vẹn cho con cháu, bà muốn ông V có cơ hội để quay đầu lại. Do vậy, cấp Sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V là không sai. Nhưng từ khi Tòa sơ thẩm xét xử đến nay, bà T và ông V sống chung một nhà, bà T đã có nhiều cơ hội tiếp cận ông V để giải tỏa việc bà nghi ngờ ông ngoại tình và hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà không làm việc đó. Tại phiên tòa hôm nay, bà T xin đoàn tụ nhưng bà không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm giữa ông bà. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn của vợ chồng ông, bà đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông V yêu cầu ly hôn là có căn cứ được chấp nhận.

- Về con chung: ông bà có bốn người con: Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1980; Nguyễn Minh Q, sinh năm 1983; Nguyễn Thế N, sinh năm 1985 và Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1988. Cả bốn người con đều đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V, sửa bản án sơ thẩm.

- Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

- Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

- Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo của ông V nên ông không phải chịu án phí Phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn V.

Sửa bản án Hôn nhân sơ thẩm số 20/2023/HNGĐ-ST ngày 25/4/2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn V.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Nguyễn Văn V được ly hôn với bà Phạm Thị Bé T.

1.2: Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết

1.3 Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

2/ Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm: Do nguyên đơn ông Nguyễn Văn V hiện tại 62 tuổi, theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật người cao tuổi, nên ông V được miễn toàn bộ tiền án phí.

2.2. Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn V không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- THADS thị xã C;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Ngoan

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- THADS huyện C;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Ngoan